

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 343/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, Kỳ họp thứ 11 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 181/BQLDA-ĐHDA ngày 07/07/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh tại thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 970/TTr-STNMT ngày 12 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh, địa chỉ tại Khu phố Vĩnh Long 1, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh tại thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh

Hoá với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Nghị quyết số 343/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, Kỳ họp thứ 11 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh.

1.4. Đơn vị đầu tư xây dựng dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh. Mã số ngân sách: 2802460887

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh và điều trị ngoại trú, nội trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 17.035 m².

- Công suất: 170 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 25 tháng 8 năm 2023 đến ngày 25 tháng 8 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Như Thanh và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhân:

- BQLDAĐTĐ huyện Như Thanh;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Như Thanh;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải tại Khu nhà điều trị 5 tầng xây mới và Nhà ngoại sản – Phụ sản – LCK – khoa chống nhiễm khuẩn, dẫn về xử lý tại trạm xử lý số 02 xây dựng mới.

+ Nguồn số 01: Nước thải tắm rửa, giặt giũ của bác sỹ, y tá, nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân có lưu lượng lớn nhất là 17,4 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (bồn cầu, bồn tiểu) có lưu lượng lớn nhất là 12,19 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn có lưu lượng lớn nhất là 16,84 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 04: Nước thải y tế từ hoạt động xét nghiệm, lau rửa vết thương... có lưu lượng lớn nhất là 2,92 m³/ngày.đêm.

- Dòng thải số 02: Nước thải tại các khu nhà điều trị khác (Nhà Hành chính khoa dược; Nhà khoa truyền nhiễm; Nhà khoa Nội- Nhi- Hồi sức cấp cứu; Khu nhà điều trị bệnh nhân Hồi sức cấp cứu; Khu nhà khoa khám bệnh- Xét nghiệm - Chuẩn đoán hình ảnh; nhà xác, khu tang lễ), dẫn về xử lý tại trạm xử lý số 01 hiện trạng đã có.

+ Nguồn số 05: Nước thải tắm rửa, giặt giũ của bác sỹ, y tá, nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân có lưu lượng lớn nhất là 22,32 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (bồn cầu, bồn tiểu) có lưu lượng lớn nhất là 15,87 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 07: Nước thải y tế từ hoạt động xét nghiệm, lau rửa vết thương... có lưu lượng lớn nhất là 4,13 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được thải ra mương tiêu thoát nước chung của khu vực khu phố 3, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (tại góc phía Đông của Bệnh viện), sau đó chảy ra nhánh sông Khe Rồng.

2.2. Vị trí xả thải:

Mương tiêu thoát nước chung của khu vực khu phố 3, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (tại góc phía Đông của Bệnh viện)

- Dòng thải số 01: Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến 105° , múi chiếu 3°): X = 2172090 (m); Y = 560531 (m).

- Dòng thải số 02: Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến 105° , múi chiếu 3°): X = 2172085 (m); Y = 560530 (m).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:

- Dòng thải số 01: Lưu lượng lớn nhất là 49,35 m³/ngày.đêm (24 giờ).

- Dòng thải số 02: Lưu lượng lớn nhất là 42,32 m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K =1,2). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Hàm lượng N/NH ₄ ⁺	mg/l	12		
7	Hàm lượng P/PO ₄ ³⁻	mg/l	12		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9	Tổng colifoms	MPN/100ml	5.000		
10	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
11	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

* **Ghi chú:** “KPH”: Không phát hiện được

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Trạm xử lý nước thải:

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của bác sỹ, y tá, nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân:

+ Nguồn số 01: Được thu gom bằng đường ống D200 về Trạm xử lý nước thải số 02 để xử lý;

+ Nguồn số 05 được thu gom bằng đường ống D200 về Trạm xử lý nước thải số 01 để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh:

+ Nguồn số 02: Được xử lý trong bể tự hoại 3 ngăn (01 bể thể tích 16 m³, 02 bể thể tích 15 m³/bể) sau đó theo đường ống D200 về Trạm xử lý nước thải số 02 để xử lý;

+ Nguồn số 06 được xử lý trong bể tự hoại 3 ngăn (01 bể thể tích 15 m³, 01 bể thể tích 30 m³, 01 bể thể tích 18 m³, 01 bể thể tích 24 m³; 01 bể thể tích 20 m³ và 2 bể thể tích 10 m³/bể) sau đó theo đường ống D200 về Trạm xử lý nước thải số 01 để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ khu nhà ăn- Nguồn số 03: Được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ sau đó theo đường ống D200 về Trạm xử lý nước thải số 02 để xử lý.

- Nước thải y tế:

+ Nguồn số 04: Được thu gom theo đường ống D200 về Trạm xử lý nước thải số 02 để xử lý;

+ Nguồn số 07 được thu gom theo đường ống D200 về Trạm xử lý nước thải số 01 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Đã đầu tư Trạm xử lý nước thải số 01, đầu tư xây dựng bổ sung Trạm xử lý nước thải số 02 gồm:

- Trạm xử lý nước thải số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom chung → Bể điều hòa → Thiết bị keo tụ lắng → Tháp lọc sinh học → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực, sau đó chảy ra sông Khe Ròng.

+ Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.đêm (24 giờ).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, Javen (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

- Trạm xử lý nước thải số 02:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể Lắng → Bể chứa + Bể khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực, sau đó chảy ra sông Khe Rông.

+ Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.đêm (24 giờ).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của Trạm xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối nước thải.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy... để thay thế khi cần thiết.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc Trạm xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải được bơm trở lại bể thu gom, bể điều hòa, rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị, các đường ống dẫn nước thải: (1) trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (2) trường hợp nước thải trong các bể bị ứ đọng/tràn do bơm nước thải, công tắc phao bị hỏng hay nghẹt thì phải vận hành bơm dự phòng khi bơm

hông, vệ sinh bơm/công tắc phao khi bị nghẹt; (3) trường hợp sự cố do vận hành liên quan đến việc phải chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, bổ sung thêm bùn vi sinh, tăng dưỡng chất tiền hành rà soát, điều chỉnh, khắc phục sự cố; bơm nước thải chưa xử lý từ bể sự cố về bể đầu vào để tiếp tục xử lý; (4) trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn xả thải ra ngoài môi trường, chưa thể khắc phục ngay, Bệnh viện sẽ thực hiện lưu chứa nước thải tại các bể chứa nước thải, bể xử lý để tiến hành sửa chữa, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (Theo quy định khoản 2, điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ).

- Thời gian vận hành: 03 ngày (quý I/2025, sau khi dự án xây dựng xong).
- Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải số 01 và 02.
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào (tại bể thu gom nước thải) và mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng).
- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.
- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành 02 Trạm xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt công tơ điện riêng, đồng hồ đo lưu lượng nước thải cho 02 Trạm xử lý nước thải; sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Bệnh viện theo quy định của pháp luật.

3.5. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Nguồn số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn tại nhà ăn bệnh viện (nguồn phát sinh không liên tục).

1.2. Nguồn số 02: Mùi, khí thải của Trạm xử lý nước thải tập trung số 01 (lưu lượng không xác định).

1.3. Nguồn số 02: Mùi, khí thải của Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 (lưu lượng không xác định).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thông hơi từ quạt hút mùi khu vực nhà bếp của bệnh viện, tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau: X = 2172119 (m); Y = 560551 (m).

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thông hơi của thiết bị xử lý mùi của trạm xử lý nước thải số 01 sau khi xử lý, tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau: X = 2172080 (m); Y = 560526 (m).

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thông hơi của thiết bị xử lý mùi của trạm xử lý nước thải số 02 sau khi xử lý, tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau: X = 2172075 (m); Y = 560529 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Không xác định.

- Dòng khí thải số 02: Không xác định.

- Dòng khí thải số 03: Không xác định.

2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thông hơi, xả thải không thường xuyên chỉ phát sinh khi hoạt động nấu ăn.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được thải trực tiếp ra môi trường, xả liên tục 24/24.
- Dòng khí thải số 03: Khí thải được thải trực tiếp ra môi trường, xả liên tục 24/24.

2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý:

Chất lượng khí thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại phụ lục A, ban hành kèm theo Tiêu chuẩn Việt Nam – TCVN 7222:2002: Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Mùi, khí thải từ khu vực nấu ăn của bệnh viện sẽ được thu vào quạt hút mùi đi theo đường ống thông hơi D140 thoát ra môi trường bên ngoài.
- Mùi, khí thải từ trạm xử lý nước thải tập trung sẽ được xử lý qua hệ thống khử mùi và thoát ra môi trường bên ngoài qua ống thông hơi D110.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn được chụp hút qua cụm hệ thống hút mùi (có gắn lớp tách dầu và lớp than hoạt tính khử mùi), sau đó qua hệ thống đường ống thông hơi thoát ra môi trường.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được thải trực tiếp ra môi trường.
- Dòng khí thải số 03: Khí thải được thải trực tiếp ra môi trường.

1.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng số 01
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng số 02
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm của Trạm xử lý nước thải tập trung số 1.
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm của Trạm xử lý nước thải tập trung số 2.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí tại nguồn số 01: Tại khu phố Vĩnh Long 3, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3⁰): X= 2187309 (m); Y= 580257 (m);
- Vị trí tại nguồn số 02: Tại khu phố Vĩnh Long 3, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3⁰): X= 2187312 (m); Y= 580245 (m);
- Vị trí tại nguồn số 03: Tại khu phố Vĩnh Long 3, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3⁰): X = 2172080 (m); Y = 560526 (m).
- Vị trí tại nguồn số 04: Tại khu phố Vĩnh Long 3, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3⁰): X = 2172075 (m); Y = 560529 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		

1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
---	----	----	---	------------------

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã	Khối lượng ước tính (kg/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại		7.681
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	3.520
2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	30
3	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế...)	13 03 02	1.200
4	Chất hàn răng amalgam thải	13 01 04	60
5	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.	18 01 04	2.871
II	Chất thải nguy hại khác		13
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	3
3	Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa các hóa chất độc hại) thải bỏ.	18 01 01	5
	Tổng		7.694

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải sinh	28.120

	hoạt	
2	Can nhựa các loại	100
3	Chất thải là vật liệu giấy (giấy, báo, bìa, thùng carton, vỏ hộp thuốc,...)	150
4	Chất thải là vật liệu nhựa (chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không chứa thành phần nguy hại,...)	250
5	Chất thải là vật liệu thủy tinh (chai, lọ thủy tinh đựng thuốc, hóa chất không chứa thành phần nguy hại,...)	300
Tổng khối lượng		28.920

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh(tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	136,98
Tổng khối lượng		136,98

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa CTNH có nắp đậy, dung tích từ 20 - 120 lít;
- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 30m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường tôn bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyên giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Các chất thải rắn y tế thông thường được phân loại vào các thùng chứa có màu sắc theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế - quy định về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Sau đó gom về kho lưu chứa diện tích 30m³ (được chia làm 02 khu: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại).

- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu chứa tại 02 bể chứa bùn, tổng thể tích 25,98 m³; bùn thải định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt tại các tầng có nắp đậy dung tích 40 lít; thùng lưu chứa có dung tích từ 120 - 240 lít;

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt: Diện tích 30m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có mái tôn, tường tôn bao xung quanh, nền bê tông chống thấm.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn y tế thông thường, bùn thải, chất thải y tế nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố đối với nước thải và sự cố khác theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN:

1. Các hạng mục, công trình xây dựng của Dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

Tiếp tục triển khai thi công các hạng mục, công trình: Nhà điều trị bệnh nhân 05 tầng; nhà đại thể; nhà chứa và phân loại rác thải; nhà điều hành và hệ thống xử lý nước thải số 02; nhà sản xuất khí oxy và các công trình phụ trợ hạ tầng kỹ thuật.

2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

- Tại bãi đổ thải, đổ thải đến đâu thực hiện đầm nén, san gạt, lu lèn đến đó để phòng tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát ra môi trường.

3. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: Xây dựng bể lắng có $V=3,0m^3$ kết cấu bằng BTCT chống thấm để loại bỏ chất rắn lơ lửng, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực ở phía Đông của bệnh viện.

- Đối với nước thải vệ sinh được xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh (1060x850x1980 mm). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 02 ngày/lần) đem đi xử lý.

4. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Thu gom về 01 bể lắng có dung tích khoảng 6,0 m³ (có lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm, kích thước mỗi bể là B x L x H = 3,0m x 2,0m x 1,0m) tại khu vực lán trại để xử lý. Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường, váng dầu thu được lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại.

5. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển đường Quốc lộ 45 với chiều dài 200m tính từ cổng khu vực bệnh viện về 2 phía. Dùng xe téc 5 m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc. Tần suất phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại các tuyến đường qua khu dân cư lân cận.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2,5 m, dài 600m bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh và bệnh viện hiện hữu.

6. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

6.1. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 02 thùng (dung tích từ 30 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại. Toàn bộ rác thải sinh hoạt đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 1 ngày/lần.

6.2. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- Khối lượng vật liệu rời rơi vãi được tận dụng san nền trong khu vực dự án.
- Chất thải rắn trong quá trình phá dỡ hiện trạng, phát quang thực vật, bóc phong hóa: thu gom, vận chuyển đến bãi thải tại mặt bằng quy hoạch đất văn hoá

tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, cách dự án khoảng 2km.

- Các loại chất thải rắn như đá thải, gạch hư hỏng, xi măng hỏng,... thu gom riêng, vận chuyển vận chuyển đến bãi thải tại mặt bằng quy hoạch đất văn hoá tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, cách dự án khoảng 2km.

7. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa dung tích 120 lit/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị 01 thùng phuy (dung tích 120l) dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ, đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa.

Hợp đồng đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải y tế nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y

tế (cột B; K = 1,2). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.